TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07-4-2022
V/v "Ly hôn giữa bà Kiêm Thị L và ông Thạch N"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nam Đừng;

Ông Thạch Phới;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Thành Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Kiêm Thị L, sinh năm 1982 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: Ông Thạch N, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 10 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Kiêm Thị L là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Thạch N chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 09/7/2012. Sau khi kết hôn, bà và ông Thạch N chung sống được một thời gian thì bà và ông N đã ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Đến tháng

01/2018 thì ông Thạch N bỏ đi khỏi địa phương không có tin tức gì, bà đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Thạch N mất tích và được Tòa án chấp nhận. Trong quá trình chung sống bà và ông Thạch N có 02 người con chung tên Thạch Tô Na, sinh năm 2001 đã trưởng thành và Thạch Thị Đa V, sinh năm 2006 hiện đang sống với bà. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, chung sống không hạnh phúc. Nay bà xác định không còn tình cảm gì với ông Thạch N, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau thời gian rất lâu nên bà có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Kiêm Thị L yêu cầu ly hôn với ông Thạch N.

Về con chung: bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Thạch Thị Đa V, sinh năm 2006 và không yêu cầu ông Thạch N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Kiêm Thị L không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà Kiêm Thị L khai không có.

Do bận đi làm ở xa nên bà yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt. Ngoài ra bà L không còn yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn ông Thạch N đã được Tòa án tuyên bố mất tích từ tháng 9 năm 2021: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, thì Tòa án cũng không thể tống đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho ông Thạch N được, qua xác minh chính quyền địa phương thì ông Thạch N đã bỏ địa phương đi từ tháng 01/2018, chính quyền địa phương cũng không xác định được hiện nay ông Thạch N đi đâu, làm gì và cư trú ở đâu. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ theo đúng quy định pháp luật, nhưng ông Thạch N vẫn cố tình vắng mặt, ông Thạch N không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không Nu ý kiến của mình. Vì vậy Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với bà L và không tiến hành hòa giải được. Tòa án mở phiên tòa xét xử lần hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Thạch N vẫn vắng mặt. Bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là được ly hôn với ông Thạch N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn thì không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Kiêm Thị L. Xử cho bà L được ly hôn với ông Thạch N.

Về con chung: giao con chung tên Thạch Thị Đa V, sinh năm 2006 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và ông Thạch N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà L không yêu cầu nên không xem xét

Về nợ chung: không có nên không xem xét

Về án phí: buộc bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bà Kiêm Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Thạch N. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Sau khi thụ lý vụ án, ông Thạch N không có mặt ở địa phương, qua xác minh ở địa phương thì ông Thạch N đã bỏ đi hơn 07 năm nay, và đã được Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè tuyên bố mất tích vào ngày 29/9/2021, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai tất cả các văn bản tố tụng hợp lệ theo đúng quy định pháp luật cũng như các giấy triệu tập xét xử đến lần 2 nhưng ông Thạch N vẫn cố tình vắng mặt mà không có lý do chính đáng, Hội đồng xét xử nghĩ nên áp dụng Điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Thạch N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Thạch N chung sống với nhau vào năm 1998, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh vào ngày 09/7/2012 như vậy là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà L cho rằng bà và ông Thạch N mâu thuẩn là do vợ bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2015 đến nayvà ông Thạch N đã bỏ địa phương đi từ năm 2018 cho đến nay, không biết ở đâu, làm gì. Vấn đề này thấy rằng: Tuy mâu thuẩn vợ, chồng giữa bà L và ông Thạch N là không lớn lắm nhưng sau khi kết hôn, bà L và ông Thạch N chỉ chung sống được với nhau được thời gian ngắn thì vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, sau đó ông N lại bỏ đi biệt tích gần 5 năm nay và Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè đã ra quyết định số 05/2021/QĐST - DS, ngày 29/9/2021 tuyên bố ông Thạch N mất tích. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L xử cho bà L được ly hôn với ông Thạch N là phù hợp.

[2] Về con chung: Bà L và ông N chung sống có 02 con chung tên Thạch Tô Na, sinh năm 2001 đã trưởng thành và Thạch Thị Đa V, sinh năm 2006 hiện nay do bà Nê trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nê có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng

Thạch Thị Đa V và không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi Thạch Thị Đa V. Đây cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Thạch Thị Đa V, khi cha mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ là bà Nê. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi bà L và ông N không còn chung sống với nhau cháu Thạch Thị Đa V được bà L nuôi dạy tốt, không bị ngược đãi, đánh đập gì, đồng thời hiện nay ông N cũng đã được Tòa án tuyên bố mất tích. Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu Thạch Thị Đa V cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Ông N không trực tiếp nuôi con có quyền được tới lui thăm nom con chung, không ai được ngăn cản là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L đã được nghe Tòa án giải thích các quy định của pháp luật về người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng do bà L xác định là một mình bà vẫn đảm bảo đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt nên bà không có yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con chung là Thạch Thị Đa V, sinh năm 2006 nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: bà L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: buộc bà L nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; 147, 227, 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Kiêm Thị L.

Tuyên xử:

Cho bà Kiêm Thị L được ly hôn với ông Thạch N

Về con chung: giao con chung tên Thạch Thị Đa V, sinh năm 2006 cho bà Kiêm Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, ông Thạch N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Bà Kiêm Thị L trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Thạch N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Thạch N không phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Thạch Thị Đa V, sinh năm 2006.

Các đương sự không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, cũng không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc Kiêm Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007756 ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, bà L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Bà L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Thạch N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CC.THA-DS huyện Cầu Kè;
- UBND xã Châu Điền;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Trúc Linh